

Số: 189/2020/QĐST-HNGĐ

Mỹ Đức, ngày 25 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Lê Văn S**, sinh năm 1985.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1985.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 7, thôn T, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Anh Lê Văn S và chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 01 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận giữa anh Lê Văn S và chị Nguyễn Thị Thanh T cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn S và chị Nguyễn Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh, chị trình bày có hai con chung: Lê Anh M, sinh ngày 25/9/2015 và Lê Ngọc Q, sinh ngày 01/01/2018. Anh, chị thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu M cho anh S, giao cháu Q cho cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh S, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh, chị trình bày không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

1.4. *Về án phí*: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn S tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), anh S được hoàn trả lại 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002675 ngày 12/3/2020 tại Cơ quan thi hành án huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Đức;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;*
- *UBND xã thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Lê Anh Tuấn